

GIA ĐÌNH TRUYỀN THỐNG VÀ NHỮNG BIẾN THÁI Ở NAM BỘ VIỆT NAM ĐỖ THÁI ĐỒNG*

1. Gia đình truyền thống ở Á Đông là một định chế xã hội đặc trưng trên hai ý nghĩa: một định chế lâu đời nhất và cũng là định chế ít thay đổi nhất sau tất cả những biến thiên của lịch sử

Một cách hiểu như vậy hiện còn được sử dụng phổ biến trong nghiên cứu so sánh gia đình ở Á Đông với gia đình ở phương Tây. Bởi vì khác với các xã hội phương Tây, kiểu gia đình Á Đông hầu như vẫn giữ được những sắc thái cổ truyền ngay cả khi xã hội đã đạt được trình độ cao của văn minh công nghiệp.

Có lẽ vì thế, các nhà nghiên cứu thường sử dụng khái niệm "gia đình truyền thống" với sự mặc nhiên thừa nhận những bất biến thể trong cơ cấu thể hệ của nó, trong trật tự tinh thần và đạo đức trong hệ thống giá trị và khuôn mẫu cư xử, trong lễ nghi và tôn giáo v. v. . . , tóm lại trong nền văn hóa đặc trưng của kiểu gia đình truyền thống đó.

Người ta cũng muốn tìm mối giây liên hệ giữa gia đình truyền thống với sự ổn định xã hội làm điều kiện phát triển của các quốc gia ở Á Đông, một con đường phát triển luôn luôn có vẻ bất ngờ như trường hợp Nhật Bản trước đây, và gần đây như một số nước "Con rồng châu Á". Như vậy, người ta muốn tìm kiếm từ gia đình truyền thống những điều giúp giải thích những vấn đề sâu sắc hơn về cơ cấu xã hội và nền văn hóa về tính cách dân tộc và đặc trưng nhân cách ở các nước Á Đông

Nhưng, nếu như người ta dễ dàng thỏa thuận với nhau về mục tiêu cuộc tìm kiếm thì lại rất khó mà thỏa thuận về một phương pháp nào đó làm hướng đi chung.

Bởi vì ngay chính khái niệm truyền thống là một khái niệm quá đa nghĩa và người ta chỉ có thể chia sẻ với nhau một vài ý nghĩa trong số đó.

Trước hết, gia đình truyền thống chắc hẳn là hình thái gia đình ở nông thôn, là gia đình ở những xã hội nông nghiệp Á Đông đã tồn tại lâu đời và gần như bất biến trên nhiều khía cạnh. Như vậy, đó cũng là kiểu gia đình nông nghiệp, là một định chế gắn liền với nền nông nghiệp cổ truyền. Sự nhất trí về khái niệm gia đình truyền thống có lẽ chỉ giới hạn đến đó.

Nhưng trong vô số trường hợp người ta lại muốn lạc bước vào những lĩnh vực đầy quyền rũ hơn của khái niệm gia đình truyền thống, những lĩnh vực tinh thần, đạo đức, văn hóa, tôn giáo. Và khi đó thì những định kiến có vẻ nhiều hơn là tìm tòi khoa học.

Chẳng hạn, đó là khái niệm "gia đình Nho giáo" được sử dụng luôn luôn đến mức gần như quen thuộc trong nhiều văn bản. Người ta tìm kiếm những thuộc tính của gia đình truyền thống ở những ảnh hưởng của ý thức hệ Nho giáo vốn bao trùm một lịch sử lâu dài ở các xã hội Á Đông từ Trung Hoa, Nhật Bản, Triều Tiên và cả Việt Nam nữa. Nhưng đâu là điển hình kiểu "gia đình Nho giáo" thì mỗi người có những cách hiểu khác nhau, từ kiểu những "đại thế gia" đến kiểu những "hàn sĩ", từ kiểu những gia đình có học đến những gia đình hoàn toàn không biết đến một chữ Hán nào.

Còn nói đến một ảnh hưởng ít nhiều của Nho giáo thì điều này lại càng mơ hồ hơn nữa một khi người ta muốn xác định xem những ảnh hưởng ấy thật sự là gì, khía cạnh hành vi hay khía cạnh thuần túy biểu trưng cũng vậy. Đạo thờ cúng tổ tiên chẳng? Nhưng các sử gia đã chứng minh rằng, cái thế giới ngư trị của các bậc tổ tiên ấy đã tồn tại trước đạo Khổng nhiều thế kỷ. Và thật ra, ngay không Tử cũng không hề coi sự cúng bái tổ tiên là điểm trọng yếu nào trong học thuyết về "Lễ" của ông. Khổng Tử gia lễ" là cái người ta chế ra và tìm một liên hệ logique với chữ "Lễ" mà theo nguyên nghĩa của Khổng Tử thì chẳng gán gù gì với đám thứ dân cả (Lễ bắt chí thứ dân).

Như vậy, dù rằng có chấp nhận vai trò của Nho giáo cũng cố địa vị của các bậc tổ tiên trong đời sống gia đình Á Đông thì cũng không vì thế mà có thể lầm lẫn giữa cái hình ở trong gương với chính sự vật. Cũng như vậy, khi đề cập đến một loạt tín điều đạo đức của Nho giáo về tôn ti trật tự gia đình. Nói tóm lại, cần phải tránh lầm lẫn giữa việc tìm kiếm cái logique xã hội đích thực của gia đình Á Đông với logique của Nho giáo.

Bởi vì cũng với chùng ấy câu châm ngôn của Khng Tử, người ta cũng không thể quên đi những khác biệt rõ rệt giữa kiểu gia đình ở các nước khác nhau ở Á Đông cùng có một lịch sử lâu dài với ý thức hệ Khổng giáo giữ vai trò đáng kể.

Ở Trung Quốc, người ta không nên quên rằng học thuyết của Khổng Tử là học thuyết chính trị thà đặc trưng của nó là sự thống nhất chính tả và đạo đức (Vi chính chi dĩ đức, tồn đức chi vị giáo tu giáo chi vị đạo). Vậy "Tu thân, Tề gia, Trị quốc, bình thiên hạ" là căn bản của đạo đức người "quân tử". Đem điều này vào định chế gia đình, nó trở thành khuôn mẫu tổ chức của kiểu gia đình có địa vị thống trị từ làng xã đến quốc gia. Nhiều thôn trang ở Trung Quốc mang tên một gia đình, một dòng họ. Dương gia trang, Vương gia trang, Quách gia trang v. v. . .

"Vương quốc của thiên triều đã được điều hành bởi một trật tự nghiêm ngặt dựa trên cơ sở trước hết là gia đình. Gia đình Trung Hoa cổ truyền là một tập hợp rộng lớn hơn gia đình hạt nhân hiện nay, có ba hoặc bốn thế hệ cùng chung sống dưới một mái nhà (tam tứ đại đồng đường). Cùng chung sống không phải chỉ bao gồm các con cháu theo trục hệ mà cả họ

* Giáo sư Xã hội học, Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh.

*hàng thân thích khác chi như chú, bác, cô, dì*¹.

Hình thái gia đình này chứ không phải hình thái nào khác đã được phân ánh trong Không giáo một học thuyết chủ trương quan hệ "Vua tôi, cha con, vợ chồng" là cùng một qui luật của tạo hóa. Vua là con của trời, và cả xã hội được diễn đạt theo quan hệ đó. Học thuyết đó không hề biết đến những chức năng nào khác của gia đình ngoài chức năng tái tạo một hệ thống chính trị Sự sinh đẻ, sự giáo dục cũng là nhằm tái tạo hệ thống đó. Phụ nữ và trẻ em ban giờ cũng ở bậc thang thấp nhất trong kiểu gia đình đó, họ là những phương tiện hơn là những mục đích. Tình yêu không có chỗ đứng nào.

Một sự khác biệt rất lớn nếu so sánh kiểu gia đình truyền thống của Trung Hoa với gia đình truyền thống ở Nhật Bản dù rằng nó có cùng một tính chất ổn định và nghiêm ngặt như nhau và theo một nghĩa nào đó cũng chịu ảnh hưởng của Không giáo.

*"Gia đình truyền thống Nhật Bản IE là một thể chế xã hội - kinh tế nhiều hơn là một cộng đồng về huyết thống. Người chủ gia đình có nhiều nét giống một giám đốc xí nghiệp. Khi chọn người kế vị xí nghiệp này không nhất thiết phải dành ưu tiên cho "đứa con theo huyết thống". . . Điều quan trọng là sao cho nó có được một giám đốc có năng lực đứng đầu. . . Nó trở thành nền tảng thật sự của dân tộc và là một trong những yếu tố cấu thành chính của bản sắc Nhật Bản"*²

Như vậy, gia đình truyền thống Nhật Bản có vẻ là một đơn vị kinh doanh hơn là một định chế xã hội- chính trị. Và đạo đức của Không giáo vốn hướng vào mục tiêu chính trị ở Trung Hoa thì ở đây nó hướng vào mục tiêu kinh tế. Người gia trưởng là người chủ kinh doanh. Điều giống nhau đáng kể nhất chỉ là ở vị trí thấp kém của phụ nữ và đây là chỗ ảnh hưởng mạnh nhất của Không giáo.

Ở Việt Nam, tiếng Nhà có ba nghĩa: ngôi nhà, gia đình, người vợ. Nghĩa chung nhất là gia đình. Gia đình truyền thống ở Việt Nam không có đặc tính một định chế xã hội - chính trị như kiểu đại gia đình Trung Quốc. Nhà nước quân chủ ở Việt Nam từ lâu lấy đơn vị làng xã làm nền tảng chứ không phải lấy đơn vị gia đình. Gia đình phụ thuộc vào làng xã. Đơn vị kinh tế nền tảng của Nhà nước là làng xã, nơi cung cấp địa tô cho Nhà vua, chế độ công điền là sở hữu làng xã tách khỏi sở hữu gia đình. Như vậy, ngay cả trong kinh doanh nông nghiệp, gia đình cũng ít nhiều phụ thuộc vào làng xã về ruộng đất và về thủy lợi. Kiểu làng xã tiểu nông tồn tại khắp nơi ở Bắc Bộ và Trung Bộ Việt Nam là một định chế xã hội đặc thù. Nó có luật pháp riêng (các hương ước), tôn giáo riêng (thờ thần hoàng), văn hóa riêng (các lễ hội) và một cơ chế tự quản mà các gia tộc, tức là các gia đình mở rộng theo huyết thống về trực hệ có thể tham gia trong tư cách thành viên của một loại hội đồng tư vấn (tộc biểu). Nho giáo có khá ít ảnh hưởng vào các loại hoạt động đó của cộng đồng làng xã và chỉ ở rất ít nơi việc tôn thờ Không Tử mới là một việc được làng xã coi là việc chung. Nơi thờ Không Tử thường gọi là "văn chỉ không phải là điều bó buộc phải xây dựng ở các làng xã. Trong tổ chức làng xã này, kiểu gia đình phổ biến có thể được gọi là nửa hạt nhân hóa. Cha mẹ và ông bà già sống chung với vợ chồng người con trai trưởng. Các con trai, con gái khác về nguyên tắc sẽ lập thành gia đình riêng sau lúc đã thành hôn. Việc thờ cúng tổ tiên được thực hiện ở gia đình con trưởng và thường chỉ thực hành với tổ tiên khoảng bốn năm đời trước. Dòng họ, tức là kiểu gia đình mở rộng theo liên hệ huyết thống thực tế chỉ cùng cổ được nhờ khía cạnh tình cảm và tương trợ. Người ta có những tổ tiên chung của dòng họ nhưng hầu hết người Việt Nam không nhớ được tổ tiên quá 5 đời. Gia phả là một vật báu nhưng là một biểu trưng hơn là một công cụ tổ chức cuộc sống. Nhưng điều này lại tối quan trọng trong quan hệ hôn nhân, luật tục cấm kết hôn giữa những người có quan hệ 5 đời

dòng cha và dòng mẹ. Gia đình truyền thống ở Việt Nam lấy kiểu gia đình nửa hạt nhân hóa làm cơ bản, nỗ là đơn vị tổ chức sản xuất nông nghiệp và tự thỏa mãn các nhu cầu sống của các thành viên. Trong đặc tính sản xuất tự túc ấy, người phụ nữ có vai trò rất lớn về quản lý tiền bạc, thu nhập và chi- tiêu. Về danh nghĩa thì chủ sở hữu là người chồng nhưng từ rất lâu đời, người vợ mới thật sự là người quản trị. Trong ngôn ngữ Việt Nam, những từ "tay hòm chìa khoá" chỉ vai trò của người vợ. Tất nhiên người phụ nữ có địa vị thấp kém hơn người đàn ông và ở đây cũng có ảnh hưởng của Không giáo. Nhưng ảnh hưởng ấy không phải là duy nhất vì về mặt đạo đức tôn giáo, phần lớn phụ nữ nông thôn Việt Nam trước đây và cả hiện giờ còn chịu ảnh hưởng lớn hơn của Phật giáo. Có thể nói ở các làng xã, Phật giáo trong nhiều thế kỷ là tôn giáo của phụ nữ và trẻ em. Chính điều này đã làm mềm đi những quan niệm quá cứng của Không giáo về người phụ nữ.

Tất cả những điều trên đây là nhằm tìm kiếm một cách tiếp cận xã hội học cụ thể hơn để phân tích gia đình truyền thống Á Đông với những biến thái rất khác nhau ở các quốc gia. Không giáo cũng đóng vai trò rất khác nhau trong các kiểu gia đình đó. Cũng với ý tưởng này, chúng tôi muốn phân tích những biến thái của gia đình truyền thống ở Nam Bộ Việt Nam.

2. Người ta vẫn coi Nam Bộ là "vùng đất mới" của Việt Nam vì so với lịch sử hàng ngàn năm của Bắc Bộ thì lịch sử khai phá Nam Bộ của người Việt mới có hơn 3 thế kỷ. Điều này khiến cho việc sử dụng khái niệm "truyền thống" trở nên khá dè dặt vì khó có thể triển khai trọn vẹn những hiểu biết về đặc trưng các di sản truyền thống ở vùng nông thôn lâu đời phía cực Bắc vào vùng đất rất nhiều khác biệt ở cực Nam.

Tất nhiên, người Việt ở Nam Bộ là cùng một gốc gác lâu đời với người Việt Bắc Bộ và trực tiếp hơn ở Trung Bộ.

¹ QI. YANFEN. *Vương quốc của những bậc tổ tiên*. Trong tạp chí Người đưa tin UNESCO. Bản tiếng Việt số tháng 7-1989)

² Kurimolo Kazuo: *Từ IE chuyển biến thành gia đình hạt nhân*. Tạp chí Người đưa tin UNESCO số tháng 7-1989 - Tiếng Việt.

Trong hành trang vật chất và tinh thần của những di dân vào Nam hiển nhiên có những yếu tố truyền thống của lịch sử Việt Nam lâu đời. Cũng một nền nông nghiệp lúa nước, cũng con trâu và cái cày, cũng một ngôn ngữ, cũng kiểu quan hệ gia đình nông thôn và nông nghiệp, người Việt khai phá vùng đồng bằng sông Cửu Long vẫn hướng về tổ tiên của dân tộc mình là các vua Hùng với nền văn hóa sông Hồng cổ kính.

Nhưng tính liên tục của lịch sử cũng không loại trừ những đứt đoạn và một quá trình thích ứng về văn hóa ở vùng đất mới đã khiến cho những truyền thống phải biến đổi rất nhiều. Những di dân người Việt đầu tiên vào Nam Bộ đã bắt gặp một vùng đất phần lớn còn hoang dã cho mãi đến nửa cuối thế kỷ thứ 18. Sách "Phủ biên tạp lục" của Lê Quý Đôn một cuốn sách Việt Nam sớm nhất viết về vùng Nam Bộ (1776) đã viết: "O phủ Gia Định, đất Đồng Nai, từ các cửa biển Cần Giờ, Lôi Lạp, Cửa Đại, Cửa Tiểu trở vào toàn là rừng rậm hàng ngàn dặm". Những cảm giác ngỡ ngàng buổi đầu còn ghi lại trong sáng tác dân gian ở Nam Bộ.

- *Người đi dạo dựa đất lưng*

Ngó sông sông rộng, ngó rừng rừng cao

- *Tới đây xừ sớ lạ lùng*

Con chim kêu phải sợ, con cò vùng phát kinh.

Những đặc điểm của điều kiện tự nhiên Nam Bộ với rừng rậm và sông rạch chằng chịt, với vùng châu thổ đất thấp và ảnh hưởng mạnh mẽ của chế độ nhật triều . . . đã khiến cho họ phải thích ứng bằng sự thay đổi sâu sắc các tập quán canh tác và do đó cả tổ chức xã hội thích hợp với sự canh tác đó.

Đó là việc canh tác không dựa vào sự chế ngự dòng nước bằng đê điều, trái lại dựa vào nhịp độ lên xuống tự nhiên của dòng chảy mà tưới tiêu đồng ruộng. Điều này tạo điều kiện dễ dàng cho những đơn vị gia đình nhỏ có thể tự khai phá và canh tác trên một vùng đất mà không nhất thiết phải có những cộng đồng lớn. Các quần cư chỉ dần dần được lập ra dọc theo sông rạch, trải theo chiều dài dòng nước để tiện canh tác, do đó không có dáng vẻ nào của một làng xã tiểu nông ở miền Bắc 'nhất thiết phải quần tụ và chen chúc vào một khu đất cao tách khỏi ruộng đồng. Liên canh liên cư là cách sống của mỗi gia đình. Nhà không có hàng rào, làng không có lũy tre, đời sống sông nước sôi động ở Nam Bộ tạo thành một không gian xã hội rộng mở khác với các làng xã tiểu nông khép kín ở Bắc Bộ và Trung Bộ. Mỗi giây liên hệ giữa gia đình với làng xã là lỏng lẻo. Mỗi gia đình là một đơn vị khá tự do. Và quả thật nông dân Nam Bộ có một thời gian hàng thế kỷ được tự do khai phá đất đai và tự do canh tác. Làng xã chỉ được thiết lập vào cuối thế kỷ XVIII với một chức năng hành chính sơ sài. Không có công điền, rất ít nơi có đình làng, không có hương ước, không có một biểu trưng nào về văn hóa làng xã ở Nam Bộ.

Nhưng cũng vì thế, đơn vị gia đình ở nông thôn Nam Bộ mà từ đầu đã nửa hạt nhân hóa phải tìm một sức sống bên trong của nó, phải tự tổ chức một lối sống thích hợp và những mối dây liên hệ giữa các gia đình không phải đi qua một khâu trung tiếp nào dù là đồng họ hay làng xã như miền Bắc.

Nguồn gốc xã hội - văn hóa của lớp cư dân đầu tiên ở Nam Bộ cũng là một nhân tố tạo ra biến thái gia đình truyền thống ở đây. Phần lớn họ là những nông dân phiêu tán, rồi đến những binh lính đào ngũ hoặc giải ngũ, những người trốn binh dịch, những tù nhân bị lưu đày, cũng có cả những nhà Nho nghèo. Nói chung họ là những người lớp dưới và vì không chịu nổi sự áp bức và tình trạng nghèo khổ của vùng quê cũ, đặc biệt ở vùng cực Nam Trung Bộ đã đi tìm một cuộc sống khác ở Nam Bộ. Chính họ cũng phải có một tinh thần can đảm xa rời những giá trị cổ truyền và một chút tính cách phiêu lưu của những người "khai sơn trăm thảo", mở đường đến một chân trời mới.

Càng di chuyển vào phía Nam, người Việt càng gặp nhiều hơn những nền văn hóa phi Hán hóa. Những tầng văn hóa cổ ở Nam Bộ chịu ảnh hưởng của văn minh An Độ nhiều hơn. Văn hóa Phù Nam và văn hóa óc Eo, văn hóa cổ của vương quốc Khome đều không có một dấu vết Hán hóa nào. Người Hoa nhập cư ở Nam Bộ chỉ từ thế kỷ XVII cùng một lúc với người Việt và họ chịu thân phục nhà Nguyễn lúc bấy giờ đã là một thế lực cầm quyền từ Phú Xuân vào trong. Những người Hoa từ chối sự thống trị của triều đại Mãn Thanh đã đến đất Nam Bộ sinh sống không có tư thế ưu trội về văn hóa so với người Việt. Họ cũng là dân mới, thậm chí là "khách trú"

Người quan sát có thể đặt câu hỏi trước một hiện tượng bề ngoài còn khá nổi bật đến hiện giờ: hầu như ở khắp nơi đất Nam Bộ trong mỗi gia đình, vào mỗi dịp lễ tết, người ta có thể thấy rất nhiều bức hoành, cặp liễn, những câu đối đỏ mang chữ Hán. Trong lúc đó, ở Bắc Bộ hiện tượng này đã mờ nhạt từ lâu. Nhưng sự thật người Việt ở đây không mấy ai biết chữ Hán và nông thôn không hề có một tầng lớp nhà Nho. Một ít nhà Nho từ miền Trung vào Nam Bộ cùng lúc với đám lưu dân cũng dần dà sáng tác lối văn chương dễ hiểu cho lớp người phần lớn chẳng những không biết chữ mà còn không biết gì ngay cả nền văn học Hán-việt. Người ta trang hoàng nhà cửa theo kiểu truyền thống hơn là hiểu biết chính truyền thống đó. Nhưng ngay cả ở nội dung của các dòng chữ Hán cũng không phải là sự truyền bá Nho giáo. Người ta chọn những câu lời hay ý đẹp hơn là các châm ngôn của Khổng Tử. Nhà nhà thường treo bức hoành "Đức lan phương" (Đạo đức tỏa thơm như hoa lan). Ngày Tết đến thì treo cặp liễn nói về mùa xuân của trời đất và lòng người.

- *Thiên tăng tuế nguyệt, nhân tăng thọ*

Xuân mãn càn khôn, phúc mãn đường.

(Trời thêm năm tháng, người thêm tuổi thọ. Xuân đầy trời đất, hạnh phúc đầy nhà).

Nhà Nho cũng ngày càng xa rời với Nho giáo cổ truyền.

Và quả thật chỉ ở đất Nam Bộ người ta mới tìm thấy sự đoạn tuyệt hoàn toàn với nguyên lý cơ bản của học thuyết

chính trị-đạo đức của Nho giáo. Xin lấy một dẫn liệu.

Đây là một cặp liễn mà một nhà Nho nào đó đã đề ở trước cửa Đền Thới Sơn (vùng Núi Cẩm, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang).

Quân phi quân, thần phi thần, quân thần giai cộng lạc

Phụ bất phụ, tử bất tử, phụ tử thị đồng hoan.

(Vua không phải là vua, tôi không phải là tôi, cha không phải là cha, con không phải là con thì vua tôi cha con đều vui vẻ).

Sự pha trộn giữa những nền văn hóa biểu hiện rõ rệt ở việc thờ cúng trong mỗi gia đình.

Người Việt vẫn giữ truyền thống thờ cúng tổ tiên nhưng họ cũng không hề ngại ngần sử dụng những biểu tượng thật ra là của người Hoa. Bàn thờ tổ tiên phần nhiều không bày bài vị của các cụ tổ mà lại bày tấm gương lớn có in 4 chữ "Cửu Huyền thất tổ" của người Hoa làm sẵn để bán. Người Việt cũng thờ "Quan Công" trong nhà như người Hoa. Đạo Hòa Hảo tự coi là đạo Phật nhưng không hề phân rõ Đại Thừa hay Tiểu Thừa. Nó tìm cách gần gũi với người bình dân bằng một nghi lễ cực kỳ đơn giản, một "bàn thiên" với nén nhang, chén nước thờ Trời ở trước nhà và một tấm "Trần điều" cũng treo ở bàn thờ tổ tiên trong nhà. Vậy là đủ biểu trưng cho một giáo phái. Đạo Cao Đài có một thần miếu bao gồm cả tôn giáo Đông Tây, các danh nhân trong nước và thế giới. Và không phải chỉ có đạo Cao Đài. Một vài ngôi đền hiếm hoi của người Việt ở Nam Bộ thờ từ Thần hoàng bản thổ đến các vị anh hùng dân tộc trong quá khứ xa xưa như Bà Trưng, Bà Triệu đến các sĩ phu thời Cần Vương, Thờ cả Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, cũng thờ cả Khổng Tử bằng bức hình ông do người Hoa làm sẵn. Và cũng phải nói sự không câu nệ của cả người Hoa, ở một ngôi đền thờ một vị tướng Việt Nam thời Nguyễn, người Hoa cúng bái còn nhộn nhịp hơn cả người Việt.

Nhưng rút lại thì trong gia đình người Việt ở Nam Bộ việc thờ cúng cũng biểu hiện phần nào những giá trị đạo đức mà họ tôn trọng. Lòng biết ơn người đi trước (các bậc tổ tiên họ đời). Tinh thần trọng nghĩa (thờ Quan Công) Lòng Nhân ái (thờ Phật).

Việc thờ cúng tổ tiên là sự tiếp tục rõ rệt kiểu gia đình truyền thống. Bàn thờ tổ tiên vẫn đặt ở chính giữa nhà cùng với khoảng không gian trang trọng nhất thường dùng để tiếp khách. Ngày giỗ ông bà cha mẹ đã khuất cũng là cơ hội xum họp gia đình. Con cháu làm ăn ở xa vẫn có nghĩa vụ trở về tham dự ngày lễ đó. Nghi thức cúng bái cũng không khác gia đình miền Bắc, những mâm cơm cúng và đèn nhang. Mỗi liên lạc giữa tổ tiên và con cháu trong gia đình Nam Bộ, có dấu hiệu gần như mật thiết hơn ở miền Bắc. Người nông dân Nam Bộ đến hiện giờ vẫn giữ tập quán đề mồ mà ông bà ngay trong khuôn viên vườn ruộng của họ, ngay trên đất thổ cư của họ. Điều này là do từ khi mới khai phá vùng đất này, mỗi gia đình là một đơn vị biệt lập, chưa có những liên hệ làng xã như miền Bắc.

Nhưng nếu như việc thờ cúng tổ tiên ở cả Bắc và Nam cùng mạnh như nhau sự tiếp tục của dòng giống thì địa vị của những người con trên nguyên tắc kế thừa lại rất khác nhau. ở

Nam Bộ không có cách gọi "anh cả", "chị cả". Những người con đầu đều được gọi là bằng thứ hai, những "anh hai", "chị hai" và lần lượt kế đến người con út, trai út và gái út. Ở miền Bắc, người con cả là đại diện cho thế hệ các con, có quyền thừa kế lớn hơn và có nghĩa vụ trước nhất trong việc nuôi dưỡng cha mẹ già và thờ cúng tổ tiên. ở Nam Bộ, vai trò đó ngược lại thuộc về người con út. Cha mẹ già lựa chọn cuộc sống cùng với người con út và người con út cũng sẽ cúng giỗ họ sau lúc họ mất đi. Nếu gia đình không có con trai thì cũng người con gái út làm vai trò đó. Và thông thường trong trường hợp đó, người con rể thờ cúng cha mẹ vợ của mình. Việc kế thừa gia sản thường được chia công bằng cho tất cả các con, có ưu tiên người con út. ở Nam Bộ, nguyên tắc "trường thượng" không gắn với quyền lực thực tế, dù rằng ở đâu cũng vẫn có sự tôn trọng người già, người lớn tuổi hơn. Chính điều này cũng thúc đẩy quá trình hạt nhân hóa gia đình ở Nam Bộ nhanh hơn và dễ dàng hơn ở nông thôn Bắc Bộ.

Cũng như luật tục ở Bắc Bộ, việc hôn nhân ở Nam Bộ không được thực hiện giữa những người có quan hệ huyết thống đến 5 đời dòng cha cùng như dòng mẹ. Nhưng "môn đăng hộ đối" nếu là một yếu tố khá quan trọng trong việc lựa chọn vợ chồng ít nhất cũng vì dư luận của dòng họ và làng xã ở Bắc Bộ thì ở Nam Bộ điều này không đáng kể. Một nhà văn thành thạo về tập tục Nam Bộ cho rằng, nếu kể về gốc gác thì:

*"Những người từng nói tiếng đất Gia đình như Đỗ Thành Nhân Võ Tánh, Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Nhân, Phan Thanh Giản cũng không phải xuất thân từ danh gia thế phiệt gì. Đến như Bà Từ Dũ, gốc cũng là dân đình ở Quảng Ngãi vào Nam lập nghiệp tại Sơn qui rồi mới khá giả sau"*³

Quan hệ thân hữu giữa cha mẹ chồng và cha mẹ vợ, tức là quan hệ "xui gia" rất được coi trọng ở Nam Bộ, điều này cũng cố độ bền vững của hôn nhân, giải tỏa những xung đột của các cặp vợ chồng nhất là giữa mẹ chồng nàng dâu vốn là đề tài hết sức phức tạp trong các gia đình kiểu Nho giáo. Người ta cũng giáo dục cho trẻ em lòng thương mến ông bà ngoại sâu sắc không kém gì đối với ông bà nội. Tất cả những yếu tố trên làm cho địa vị của người phụ nữ, người vợ ở gia đình Nam Bộ được cải thiện hơn, giảm bớt nhiều những khuôn phép khá câu nệ của Nho giáo.

Như vậy gia đình truyền thống ở Nam Bộ không thể nói là khác cơ bản với gia đình truyền thống Việt Nam khởi nguyên từ Bắc Bộ. Những quá trình di dân từ Bắc vào Nam vẫn còn tiếp tục đến nay và người Bắc người Nam vẫn tìm thấy cùng những quan hệ gia đình với các giá trị truyền thống được tôn trọng

³ Sơn Nam: Đất Gia Định xưa. 1984

Nhưng mặt khác để hiểu được những biến đổi của gia đình ở Nam Bộ thì không thể không đặc biệt chú ý đến khía cạnh riêng biệt của nó. Trong một tổ chức xã hội mà dòng họ và làng xã là những định chế mờ nhạt, gia đình hạt nhân có vị trí lớn hơn. Trong một nền văn hóa phi Hán hóa và tiếp xúc với các nền văn hóa ở Nam Á, gia đình Nam Bộ cũng trở nên uyển chuyển hơn để tiếp nhận những thay đổi xã hội Nam Bộ có mức độ dồn dập hơn ở Bắc Bộ.

3. Những biến động lớn về chính trị xã hội, những cuộc chiến tranh liên tiếp và ác liệt mấy chục năm, những cải cách xã hội và kinh tế đương nhiên đã tác động vào gia đình truyền thống Việt Nam từ Bắc đến Nam, buộc nó phải thích ứng với những điều kiện mới. Đã có sự thay đổi cơ cấu thể hệ, đẩy nhanh hơn quá trình hạt nhân hóa ở gia đình nông thôn, giảm qui mô nhân khẩu của gia đình, giảm mức sinh, tăng nhanh số phụ nữ làm việc ngoài gia đình, mở rộng nền giáo dục xã hội.

Nhưng, hết thảy những điều đó hình như vẫn không hề lay chuyển được gốc rễ của gia đình truyền thống. Nó tự thích ứng để tồn tại chứ không phải để lùi hẳn về quá khứ. Và để có cơ hội là nó lại hồi phục, củng cố lại những nền tảng kinh tế và văn hóa của mình.

Lý do chính là vì xã hội Việt Nam từ Bắc đến Nam vẫn còn là một xã hội nông nghiệp. Và chừng nào còn là xã hội nông nghiệp thì kiểu gia đình truyền thống vẫn còn là một định chế vững bền. Những biến động xã hội vừa qua chưa thay đổi được căn bản đó dù rằng đã thử thách sức sống của gia đình truyền thống về nhiều mặt.

Ở miền Bắc, phải kể đến quá trình "tập thể hóa" nền nông nghiệp diễn ra từ cuối những năm 50. Chế độ sở hữu tư nhân, thực tế là sở hữu gia đình về ruộng đất đã được thay thế bằng chế độ công hữu của các hợp tác xã. Người ta chỉ để lại cho gia đình 5% số đất canh tác của mỗi địa phương. Nhưng trình độ của các lực lượng sản xuất và ngay cả tập quán canh tác đã không cho phép xã hội hoá nền sản xuất, đưa cá nhân vào một hình thức lao động ngoài gia đình. Rốt cuộc năng suất lao động của các hợp tác xã rất thấp kém. Chính đơn vị gia đình sản xuất tự túc trước đây lại tỏ ra cố sức sống dẻo dai. Chỉ với 5% đất đai, các gia đình đã làm được một nửa số thu nhập của mình, trong khi với 95% đất đai. Hợp tác xã chỉ cung cấp một nửa thu nhập từ kinh tế tập thể. Từ năm 1982, người ta đã phải thay đổi căn bản cách quản lý, trao lại ruộng đất cho các gia đình, lấy đơn vị gia đình làm đơn vị sản xuất cơ bản ở nông thôn. Cùng với điều này gia đình truyền thống ở miền Bắc đang tìm lại những chức năng vốn có của nó, tiếp tục duy trì việc thờ cúng tổ tiên, các quan hệ dòng họ và các nghi lễ cổ xưa khác.

Ở miền Nam, nền nông nghiệp cũng đã có những thay đổi từ trước năm 1975. Ruộng đất phần lớn là sở hữu của các gia đình trung nông và do tiến bộ về kỹ thuật canh tác, người trung nông Nam Bộ đã hướng mạnh vào sản xuất nông sản hàng hóa. Một số nông dân giàu hơn đã chuyển sang kinh doanh theo lối các chủ trại nhỏ. Thị trường lao động nông thôn đã hình thành với những người nghèo đi làm thuê và số nông dân không có ruộng. 70% số hộ là hộ trung nông, nghĩa là những đơn vị sản xuất hàng hóa nhỏ.

Việc áp dụng tập thể hóa nông nghiệp như kiểu miền Bắc đã không thành công ở Nam Bộ và nhanh chóng phải thay đổi bằng việc thừa nhận vai trò của nông hộ, của gia đình. Đến nay, đơn vị gia đình nông thôn ở Nam Bộ gần như không có những biến đổi nào căn bản sau mấy chục năm với nhiều biến động xã hội.

Tất nhiên cũng có những thay đổi chậm chạp. Chẳng hạn đã tăng dân số sau mười năm 1979-1989 đã giảm từ 2,5% tăng tự nhiên xuống 2,3%. Số trẻ em đi học gia tăng. Phong trào bình quyền của phụ nữ cũng có kết quả nhất định. Nhưng ở khắp nơi hình ảnh gia đình vẫn là như cũ và cũng được tái tạo hầu như trên mảnh đất cũ mà người nông dân Nam Bộ đã sinh sống mấy đời.

Với qui mô nhân khẩu trung bình 6, 5 người một hộ, với số ruộng canh tác trung bình 1 ha một hộ, với 2 lao động chính, với thu nhập trung bình cho đầu người từ 30 đến 40 USD mỗi năm, hầu hết gia đình nông thôn Nam Bộ đang sống một mức sống khá hơn ít nhiều so với miền Bắc những vẫn là ở mức nghèo.

Sự ổn định đời sống gia đình ở mức sống khiêm tốn đó cùng với sự chú trọng những truyền thống đạo đức và văn hóa của nó khiến cho ở Nam Bộ không hề xảy ra tình trạng lưu tán nông thôn. Nhưng một cách khác, những gia đình như vậy tạo cho người ta một thái độ khá thờ ơ đối với tiến bộ công nghiệp và đô thị hóa.

Dữ kiện của các cuộc điều tra gần đây cho thấy kiểu gia đình truyền thống ở nông thôn Nam Bộ sẽ đứng vững trong một thời gian dài nữa. Không có khả năng cho một sự phân hóa mạnh mẽ cơ cấu giai cấp ở nông thôn. Mức độ tập trung ruộng đất rất nhỏ bé. Trình độ cơ khí hóa nền nông nghiệp tiến triển chậm chạp và không gây đảo lộn nào về vấn đề nhân công nông nghiệp. Mỗi gia đình với mảnh đất có hạn và trình độ thâm canh bị hạn chế do thiếu nguồn vốn chỉ có thể cải thiện đời sống trong mức thu nhập trung bình đầu người một năm dưới 50 USD. Một chương trình phát triển nông thôn Nam Bộ còn vấp phải những vấn đề lớn: thiếu thốn các điều kiện giao thông, y tế công cộng và chất lượng giáo dục thấp.

Như vậy, kiểu gia đình truyền thống Việt Nam ở Bắc cũng như ở Nam sẽ thay đổi như thế nào? Câu hỏi này còn đợi câu trả lời ở một tương lai xa hơn vài thập niên nữa.

Song cũng cần phải ghi rằng những truyền thống ăn sâu trong tâm lý hàng triệu gia đình, hàng chục triệu người nhất định cũng sẽ tìm cách có mặt trong quá trình phát triển về kinh tế và xã hội.

Người Việt Nam nếu san sàng hoan nghênh những tiến bộ của công nghiệp hóa và đô thị hóa kiểu phương Tây thì lại khá ngần ngại trước những khủng hoảng của gia đình, tình trạng ly hôn, độc thân, sự cô đơn của người già và khó khăn của trẻ em ở những gia đình không đầy đủ. Họ cũng ngần ngại một khuynh hướng tự do

cá nhân có thể làm suy yếu cộng đồng.

Chúng tôi cũng đã nhận được những lời khuyên và những kinh nghiệm từ nhiều phía. Rốt cuộc nguồn hy vọng cũng lại chỉ có thể là ở khả năng thích ứng của kiểu gia đình truyền thống vốn vững chắc trong lịch sử và cũng khá uyển chuyển trong hoàn cảnh khác nhau. Gia đình đó sẽ tìm được chỗ đứng thích hợp của nó. Nhưng chỉ có những thử thách thực tế mới cho chúng ta thấy được phương hướng rồi đây của những cuộc tìm tòi.